

Số: 91/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về ban hành mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 1142/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 979/BC-BKTNS ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về đối tượng chịu phí, đối tượng không chịu phí, đối tượng nộp phí; mức thu phí; quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có liên quan đến thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Đối tượng chịu phí, không chịu phí và đối tượng nộp phí**

### **1. Đối tượng chịu phí**

Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu.

### **2. Đối tượng không chịu phí**

a) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

b) Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu, hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu được vận chuyển vào cảng, rời cảng bằng phương tiện thủy nội địa hoạt động trên các tuyến đường thủy theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy.

c) Hàng lỏng, hàng rời, hàng đóng ghép trong container của chủ hàng có trọng lượng < 1.000 kg.

d) Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu, hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, khu vực cửa khẩu cảng biển Bình Dương.

### **3. Đối tượng nộp phí**

a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kinh doanh, vận chuyển: Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ

tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Mức thu phí**

#### **1. Biểu thu phí**

| <b>Số TT</b> | <b>Loại Hàng hóa</b>                                                                                                                                                                                              | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mức thu phí</b> |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>1</b>     | Hàng quá cảnh, hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập.                                                                                                                                              |                    |                    |
| a            | Container 20ft                                                                                                                                                                                                    | đồng/cont          | 2.200.000          |
| b            | Container 40ft                                                                                                                                                                                                    | đồng/cont          | 4.400.000          |
| c            | Hàng lỏng, hàng rời không đóng trong container, hàng đóng ghép trong container của một chủ hàng hay nhiều chủ hàng.                                                                                               | đồng/tấn           | 50.000             |
| <b>2</b>     | Hàng chuyển khẩu, hàng gửi vào kho ngoại quan, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thuộc loại hàng hóa quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan. |                    |                    |
| a            | Container 20ft                                                                                                                                                                                                    | đồng/cont          | 250.000            |
| b            | Container 40ft                                                                                                                                                                                                    | đồng/cont          | 500.000            |
| c            | Hàng lỏng, hàng rời không đóng trong container, Hàng đóng ghép trong Container của một chủ hàng hay nhiều chủ hàng.                                                                                               | đồng/tấn           | 15.000             |

#### **2. Các quy định cụ thể về thu phí**

a) Nhiều loại hàng hóa (cùng mức phí) của một chủ hàng đóng ghép trong container của nhiều chủ hàng, có tổng khối lượng hàng >1.000 kg thì thu phí theo mức thu tại điểm c khoản 1, 2 của biểu thu phí nêu trên;

b) Nhiều loại hàng hóa (cùng mức phí) đóng ghép trong container của một chủ hàng, có tổng khối lượng hàng >1.000 kg thì thu phí theo mức thu tại điểm a, b khoản 1, 2 của biểu thu phí nêu trên;

c) Nhiều loại hàng hóa (khác mức phí) đóng ghép trong container của một hoặc nhiều chủ hàng thì thu phí theo mức thu tại điểm c khoản 1, 2 của biểu thu phí nêu trên;

d) Hàng quá cảnh, hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, hàng chuyển khẩu, hàng gửi vào kho ngoại quan, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thuộc loại hàng hóa quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan được vận chuyển vào cảng, rời cảng bằng phương tiện thủy nội địa hoạt động trên các tuyến đường thủy áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí tại khoản 1, khoản 2 biểu thu phí nêu trên.

đ) Hàng quá cảnh, hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập được đưa vào cảng và rời cảng qua cổng G Cảng Bến Nghé - Phú Hữu và Cảng container quốc tế SP-ITC bằng đường bộ qua trạm thu phí BOT Phú Hữu (2 lượt: vào và ra) áp dụng mức thu phí bằng 94% mức thu phí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 của biểu thu phí. Trường hợp chỉ có lượt vào hoặc lượt ra thì áp dụng mức thu phí bằng 97% mức thu phí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 của biểu thu phí nêu trên.

e) Hàng chuyển khẩu, hàng gửi vào kho ngoại quan, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thuộc loại hàng hóa quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan được đưa vào cảng và rời cảng qua cổng G Cảng Bến Nghé - Phú Hữu và Cảng container quốc tế SP-ITC bằng đường bộ qua trạm thu phí BOT Phú Hữu áp dụng mức thu phí bằng 47% mức thu phí nêu tại điểm a, b, c khoản 2 của biểu thu phí. Trường hợp chỉ có lượt vào hoặc lượt ra thì áp dụng mức thu phí bằng 73,5% mức thu phí nêu tại điểm a, b, c khoản 2 của biểu thu phí nêu trên.

f) Hàng kinh doanh tạm nhập (hoặc tạm xuất) tại tỉnh, thành ngoài Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó tái xuất (hoặc tái nhập) tại khu vực của khẩu cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh thì thu phí theo mức thu tại khoản 2 của biểu thu phí nêu trên.

#### **Điều 4. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập: được trích để lại 1,5% số tiền phí thu được để chi cho hoạt động phục vụ công tác thu phí bảo đảm đúng quy định của Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan; nộp 98,5% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Số tiền phí nộp vào ngân sách thành phố được bố trí sử dụng có mục tiêu cho đầu tư, nâng cấp, cải tạo, bảo trì kết cấu hạ tầng kết nối các cảng biển của thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hình thức thu phí: Không dùng tiền mặt, thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến, ví điện tử của các Ngân hàng, các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử.

4. Đăng ký, kê khai thu, nộp, quyết toán phí: Thực hiện theo quy của Luật Phí và lệ phí và của các văn bản hướng dẫn có liên quan.

5. Công khai chế độ thu phí: Thực hiện niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên trang thông tin điện tử của các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu và các văn bản quy định thu phí.

### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp thực hiện thu phí đối với khu vực cửa khẩu cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Các trường hợp hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng tổ chức, cá nhân chưa nộp phí hoặc đã nộp phí nhưng chưa đúng số phí thì được tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Riêng đối với hàng lỏng, hàng rời < 1.000 kg và hàng đóng ghép trong container đã qua khu vực giám sát hải quan trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thì áp dụng quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định. Trong quá trình thực hiện, có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021, Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tn).

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Minh**